

# NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM VỀ CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG TRONG HỌC TẬP

Nguyễn Văn Bắc

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.*

Trong đời sống của sinh viên, học tập là hoạt động cơ bản nhất. Hoạt động học tập của sinh viên luôn gắn liền và chịu sự điều chỉnh của các chuẩn mực văn hóa xã hội. Đây cũng chính là nơi nhận thức của họ đối với các giá trị văn hoá truyền thống trong học tập được thể hiện rõ nét nhất.

Tinh thần hiếu học là một truyền thống quan trọng của dân tộc ta và là giá trị căn bản, chi phối, dẫn dắt sinh viên phấn đấu và rèn luyện. Đi đôi với lòng hiếu học chính là sự trọng thầy, coi thầy như cha ("sư phụ"). Đây cũng chính là đạo lý từ ngàn đời của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó, tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và lao động là một trong những giá trị truyền thống cơ bản của con người Việt Nam<sup>(2)</sup>. Ngoài ra, khả năng nhanh chóng thích nghi với mọi hoàn cảnh và môi trường cũng là một giá trị văn hóa truyền thống trong lao động của dân tộc ta. Phạm Minh Hạc đã khẳng định đây là một yếu tố không thể thiếu trong quá trình học tập và nghiên cứu của học sinh, sinh viên<sup>(1)</sup>.

Đảng ta đã khẳng định đội ngũ giáo viên là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp giáo dục, người thầy giáo là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng văn hóa. Như Usinxki nói, trong công tác giáo dục, tất cả đều dựa vào nhân cách của nhà giáo dục, dùng nhân cách để giáo dục nhân cách. Nói cách khác, trong quá trình phấn đấu và rèn luyện để trở thành những mẫu mực về nhân cách, tự xây dựng cho mình một nhận thức đúng đắn về các giá trị văn hoá truyền thống trong học tập là điều không thể thiếu được đối với sinh viên sư phạm<sup>(9)</sup>.

## **I. Mẫu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu**

### ***1. Khách thể nghiên cứu***

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng nhận thức về các giá trị liên quan đến học tập của 180 sinh viên sư phạm năm thứ nhất và thứ tư thuộc ba khối toán, tiếng Anh và tâm lý - giáo dục, trường Đại học Sư phạm Huế, Đại học Huế, năm 2004.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng kết hợp một hệ thống các phương pháp nghiên cứu tâm lý như quan sát, điều tra, phỏng vấn, thực nghiệm và thống kê toán học được sử dụng để xử lý kết quả nghiên cứu.

## **3. Các nội dung khảo sát**

*Nội dung 1:* Lên lớp đầy đủ, đúng giờ, chăm chỉ và có ý thức vươn lên trong học tập.

*Nội dung 2:* Tích cực suy nghĩ và cố gắng trả lời những vấn đề mà giáo viên đặt ra, chủ động nêu lên những thắc mắc của mình và cố gắng giải quyết.

*Nội dung 3:* Có tinh thần hợp tác, giúp đỡ bạn bè để cùng học tốt.

*Nội dung 4:* Khiêm tốn học hỏi bạn bè, lễ độ với thầy cô giáo.

*Nội dung 5:* Tuyệt đối không sử dụng tài liệu cấm và không trao đổi bài trong khi thi.

## **II. Kết quả nghiên cứu thực trạng**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ nhận thức của sinh viên về cả 5 nội dung được khảo sát nhìn chung là khá cao. Điểm trung bình cho cả 5 mức độ là 2,7/3 điểm, cao nhất ở nội dung 4 (2,87/3 điểm) và thấp nhất ở nội dung 2 (2,68/3 điểm). Số lượng sinh viên nhận thức sai về các giá trị văn hoá trong quan hệ học tập khá thấp và vẫn còn một bộ phận đáng kể sinh viên chưa có nhận thức hoàn toàn đúng về các giá trị trên. Cụ thể là để đạt kết quả cao trong học tập, có tới 21,1% sinh viên cho rằng chỉ cần có mặt trên lớp đầy đủ và biết cách học khi ôn thi là được. Như vậy, trong trường hợp này, chúng ta cần xem xét động cơ học tập của sinh viên. Nói cách khác, kết quả cao trong học tập đối với bộ phận sinh viên này chỉ dừng lại ở việc làm được bài, đạt điểm thi cao, chứ không nhất thiết là phải có khả năng sử dụng, áp dụng tốt những kiến thức của mình vào cuộc sống.

Kết quả nghiên cứu của Pintrich cho thấy, ngoại động cơ giúp sinh viên học tập tốt hơn. Đồng thời, ông cũng cho rằng khi sinh viên biết kết hợp nhiều động cơ cùng một lúc thì sẽ có nhiều phương pháp học tập thích hợp và hiệu quả hơn<sup>(3)</sup>. Pokay và Blumenfeld khi tìm hiểu mối tương quan giữa động cơ và chiến lược học tập của sinh viên đã kết luận rằng, những sinh viên có động cơ học tập khác nhau sẽ có phương pháp học tập cụ thể khác nhau<sup>(4)</sup>. Như vậy, một trong những cách để lý giải thấu đáo hơn về một số lượng sinh viên không nhận thức chưa hoàn toàn đúng về các giá trị trên trong học tập là nhìn nhận và xem xét đến động cơ học tập của họ.

Để tiếp thu có hiệu quả bài giảng của giảng viên 13,9% sinh viên cho rằng, chỉ cần lắng nghe và ghi chép đầy đủ bài giảng. Bên cạnh đó, 18,9% sinh

viên lại quan niệm rằng, để thực hiện tốt quy chế thi thì sinh viên chỉ cần không sử dụng tài liệu cấm là đủ nhưng vẫn có thể trao đổi với bạn trong khi thi. Nhìn từ góc độ số liệu thống kê, trên đây là những con số đáng kể về số lượng sinh viên có nhận thức chưa đúng đắn về một giá trị trong học tập và thi cử. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận chúng trong mối tương quan với đặc điểm tâm lý cá nhân của sinh viên châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng cũng như môi trường văn hóa và giáo dục thì chúng ta có thể có được một cái nhìn toàn diện và khách quan hơn về kết quả trên. Nghiên cứu của Salili vào năm 1994<sup>(5)</sup> và 1995<sup>(6)</sup> đã cho thấy, sinh viên châu Á thường thụ động hơn sinh viên các nước phương Tây trong cách tiếp thu bài giảng của giáo viên và trong các hoạt động học tập của mình. Đặc điểm này một phần là do văn hoá quy định. Ví dụ sinh viên Nhật Bản không bao giờ đặt câu hỏi cho giáo viên do tôn trọng giáo viên và tránh đối chất với giáo viên trước mặt người khác. Sinh viên Trung Quốc chỉ đặt câu hỏi cho giáo viên ở ngoài lớp học khi chỉ có một thầy một trò vì ngại xấu hổ và vì sợ làm giáo viên mất thể diện trước những sinh viên khác trong trường hợp giáo viên đó không trả lời được câu hỏi. Một phần là do đặc điểm của nền giáo dục khi nội dung học tập không hoàn toàn đi đôi với thực hành và thi cử còn chủ yếu đòi hỏi khả năng ghi nhớ hơn tổng hợp và phân tích. Mặt khác, văn hóa phương Đông coi trọng ràng buộc của những mối quan hệ. Sự ràng buộc, không rõ ràng, xuề xòa và tính cộng đồng này không những tồn tại trong mối quan hệ giữa người với người mà còn ở trong công việc nói chung. Về vấn đề thi cử cũng vậy, dù đã có nhiều thay đổi trong nội dung và hình thức, nhưng nhiều sinh viên vẫn chưa thể thích ứng ngay được với những thay đổi này. Nghiên cứu về hiện tượng tiêu cực trong thi cử của học sinh Việt Nam từ góc độ tâm lý xã hội, Nguyễn Đức Thạc nhận xét "... ngay từ động cơ học tập rèn luyện, thi cử của học sinh đã có sự lệch lạc về định hướng giá trị" [7, tr. 22] và chính tính sĩ diện cá nhân một cách mù quáng của phụ huynh lẫn học sinh là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự thiếu trung thực trong thi cử và học tập. Theo kết quả của nghiên cứu này thì, xét một cách khách quan, việc sinh viên không thể thực hiện nghiêm túc quy chế thi là do ý thức chưa cao. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận yếu tố văn hoá - xã hội trong hiện tượng nhiều sinh viên cho rằng, khi cần thiết vẫn có thể trao đổi với bạn trong khi thi. Đó là khi nhận thức xã hội chưa thể kịp thời thích ứng với những thay đổi xã hội. Cụ thể là nhận thức của sinh viên vẫn chưa chuyển biến để bắt kịp với những cải cách trong quy chế thi cử.

Kết quả khảo sát chỉ rõ sự phân hoá rõ rệt về nhận thức theo chuyên ngành hẹp của sinh viên. Trong số ba chuyên ngành được lựa chọn để nghiên cứu gồm toán, tâm lý - giáo dục và tiếng Anh thì sinh viên khoa Tâm lý - giáo dục có điểm trung bình về mức độ nhận thức 5 giá trị văn hóa trong học tập cao nhất ( $M_{TLGD}$ : 2,88/3 điểm) và khoa tiếng Anh là thấp nhất ( $M_{tiếng Anh}$ : 2,69/3 điểm). Hiện tượng này có thể được lý giải như sau:

Các giá trị văn hoá truyền thống được đề cập, thảo luận trực tiếp và gián tiếp nhiều đối với sinh viên theo chuyên ngành tâm lý - giáo dục thông qua các học phần chuyên biệt. Nhờ vậy, không có gì đáng ngạc nhiên nhận thức của họ cao hơn những khối lớp còn lại về những giá trị văn hoá trong học tập được khảo sát. Trong khi đó, rõ ràng không thể phủ nhận ảnh hưởng của văn hóa mục tiêu (target culture) - văn hoá bản xứ từ ngôn ngữ đang được học đối với sinh viên khối ngoại ngữ. Ngoài ra, từ phương pháp học tập và nội dung học tập của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau ta cũng dễ phỏng đoán được là nhận thức sẽ khác nhau. Ví dụ như cách học và "hành" của sinh viên khoa toán có thể thấy là khác với sinh viên khoa tiếng Anh. Đây chính là một phần của khái niệm mà viện sỹ Nguyễn Cảnh Toàn gọi là "văn hóa bộ môn"<sup>(8)</sup> và là một trong những lý do để giải thích mức độ nhận thức khác nhau về các giá trị trong học tập của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau.

### III. Kết luận

Nhận thức về những giá trị văn hoá truyền thống có vai trò rất lớn đối với hoạt động học tập của sinh viên. Việc nhận thức tốt các giá trị này sẽ giúp sinh viên định hướng và có phương pháp học tập tốt hơn cũng như có cách thức rèn luyện nghề với động cơ phù hợp, đặc biệt là sinh viên sư phạm. Kết quả khảo sát cho thấy, vẫn còn một số hạn chế đáng kể trong nhận thức của sinh viên sư phạm, nhưng đồng thời cũng chỉ ra rằng những hạn chế đó hoàn toàn có thể khắc phục được và nhận thức của sinh viên có thể được nâng cao nếu kết hợp những phương pháp tác động phù hợp.

### Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc. *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hoá đất nước*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
2. Đỗ Long - Phan Thị Mai Hương. *Tính cộng đồng tính cá nhân và cái tôi của người Việt nam hiện nay*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
3. R.P. Pintrich. *Multiple goals, multiple pathways: The role of goal orientation in learning and achievement*. Journal of Educational Psychology, Vol 92, No. 3, 2000, p. 544 - 555.
4. Pokay, Patricia & Blumenfeld. *Predicting achievement early and late in the semester: The role of motivation and use of learning strategies*. Journal of Educational Psychology, Vol. 82, No. 1, 1990, p. 41 - 50.
5. F. Salili. *Age, sex and cultural differences in the meaning and dimension of achievement*. Personality and Social Psychology Bulletin, Vol 20, 1994, p. 635 - 648.
6. F. Salili. *Explaining Chinese motivation and achievement: a socio - cultural analysis*. Greenwich, Connecticut: JAI Press Inc, 1995.

7. Nguyễn Đức Thạc. *Những hiện tượng tiêu cực trong thi cử của học sinh nhìn từ góc độ tâm lý - xã hội*. Tạp chí Tâm lý học, số 9, 2003, tr. 21 - 23.
8. Nguyễn Cảnh Toàn. *Học đi đôi với hành ngày nay*. Báo Giáo dục thời đại chủ nhật, tập 3, số 370, 2002, tr. 8 - 9.
9. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan và Nguyễn Văn Thành. *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998.